

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2022/DS-ST  
Ngày: 11 - 7 - 2022  
V/v “Tranh chấp hui”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Nhiêu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Minh Bền

Ông Tạ Bửu Thương

**Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự.

*Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Bé H, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Khu liên kế 11, đường M, khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh M – Có mặt.

*Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1977 (tên thường gọi: Nam, Tùng)

Bà Nguyễn Thị Kim Q

Cùng nơi cư trú: Số 133/18, đường N, khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh M – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Bé H trình bày:*

Vào ngày 10/02/2020 âm lịch, bà có mở dây hui do bà làm chủ, loại hui 500.000đồng, 10 ngày khai 01 lần. Tổng cộng gồm 48 phần, vợ chồng ông K, bà Q tham gia 04 phần và đã hót hết 04 phần cụ thể như sau:

- Ngày 20/02/2020 ông K hót 01 phần
- Ngày 20/03/2020 ông K hót 01 phần
- Ngày 20/04/2020 ông K hót 01 phần
- Ngày 20/05/2020 ông K hót 01 phần

Số tiền hui đã bỏ và hốt hui từng lần thì bà không nhớ rõ. Sau khi hốt hui thì bà đã giao đủ tiền hui cho ông K, bà Q. Vợ chồng ông K cũng đã đóng hui cho bà đến kỳ thứ 25 (ngày 20/9/2020), còn nợ lại 23 kỳ hui thì ngưng không đóng hui nữa.

Bà đã nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán thì đến ngày 20/10/2020 ông K viết giấy biên nhận và hứa sẽ thanh toán số tiền hui còn nợ bà là 23 kỳ hui, mỗi kỳ là 2.000.000đồng. Từ khi viết biên nhận đến nay vợ chồng ông K không thanh toán thêm khoản tiền nợ hui nào cho bà, dây hui này cũng đã mẫn vào ngày 30/4/2021 âm lịch.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2022 thì bà Huỳnh Thị Bé Hyêu cầu ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Kim Q thanh toán tổng số tiền hui còn nợ là 54.399.600đồng. Trong đó nợ hui vốn là 46.000.000đồng; nợ lãi tính từ ngày 30/4/2021 (âm lịch) đến ngày 31/3/2022 với mức lãi 1.66%/tháng bằng số tiền là 8.399.600đồng.

Tại phiên tòa bà H thay đổi yêu cầu, bà yêu cầu ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Kim Q thanh toán tiền nợ hui là 46.000.000đồng và lãi chậm thanh toán tính từ ngày 30/5/2021 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/7/2022) là 01 năm 01 tháng 11 ngày với mức lãi suất 10%/năm (tức 0.83%/tháng) bằng số tiền là 5.124.000đồng.

*Đối với ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Kim Q:* Mặc dù ông K, bà Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho ông, bà đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; được triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông K, bà Q vẫn không có mặt theo Thông báo, Giấy triệu tập của Tòa. Ông, bà cũng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bé Hà.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Kim Q vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà Q theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ hui là 46.000.000đồng và lãi suất chậm trả. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hui, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Bé H xác định vào ngày 10/02/2020 âm lịch, bà có làm chủ hui, loại hui là 500.000đồng, 10 ngày khui một lần, gồm 48 phần. Vợ chồng ông K, bà Q là hui viên tham gia 04 phần. Quá trình

tham gia hội thì vợ chồng ông K hốt hết cả 04 phần và thanh toán hội đúng đến kỳ thứ 25 (tức là đến ngày 20/9/2020), còn nợ lại 23 kỳ hội chết thì ngưng thanh toán.

Đối với ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Kim Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông bà không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án, ông bà cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án, vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án. Xét lời trình bày của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định việc giao dịch hội giữa các bên là thực tế có diễn ra. Việc bà Hyêu cầu ông K, bà Q thanh toán tiền hội còn nợ được thể hiện tại nội dung biên nhận nợ đề ngày 20/10/2020 (do bà cung cấp tại hồ sơ - bút lục 03) cụ thể *“Tôi tên Huỳnh Văn K Tên thường gọi là Tủng hoặc Nam ở Phường 4, CM có hốt hết 4 chưng hội 500/10 ngày 1 lần của chị Huỳnh Thị Bé Hở F9 Cà Mau. Tôi xin chịu trách nhiệm đóng lại 23 lần hội chết mỗi lần là 2.000.000đồng (2triệu) nếu không hoàn thành Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật cũng như yêu cầu của chị Huỳnh Thị Bé H(chủ hội)”*, từ khi ghi biên nhận nợ trên đến nay vợ chồng ông K không thanh toán thêm khoản tiền nợ hội nào cho bà Hên nay bà Huỳnh Thị Bé Hyêu cầu ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Kim Q thanh toán số tiền hội còn nợ là 23 kỳ x 2.000.000đồng = 46.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu ông K cùng bà Q liên đới thanh toán số nợ hội trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H xác định giao dịch hội trực tiếp với ông K. Tuy nhiên, việc tham gia góp hội bà Q có trực tiếp bỏ và hốt hội, đồng thời tiền hội góp về mục đích sử dụng trong gia đình nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình: Vợ chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch một bên thực hiện khi thuộc một trong các trường hợp: Bên giao dịch là đại diện hợp pháp của bên kia; kinh doanh chung; nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Q cùng có trách nhiệm thanh toán nợ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu lãi suất chậm trả: Nguyên đơn xác định hiện hội đã mãn vào ngày 30/4/2021 âm lịch nên nay bà yêu cầu ông K, bà Q thanh toán lãi chậm trả đối với số tiền nợ hội tính từ ngày mãn hội là ngày 30/5/2021 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/7/2022) là 01 năm 01 tháng 11 ngày với mức lãi suất 10%/năm (tức 0.83%/tháng) bằng số tiền là 5.124.000đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi chậm thanh toán là phù hợp với quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là nợ hội là 46.000.000đồng + nợ lãi là 5.124.000đồng = 51.124.000đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bé H. Buộc ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Kim Q thanh toán cho bà Huỳnh Thị Bé H tổng số tiền là 51.124.000đồng (*Năm mươi mốt triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông K, bà Q không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị Kim Q phải nộp là 2.556.000đồng (chưa nộp). Bà Huỳnh Thị Bé H không phải nộp, ngày 22/4/2022 bà H đã dự nộp số tiền 1.360.000đồng theo biên lai số 0001213 được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thùy Nhiêu**

